



**Câu I (2,0 điểm)**

1. Chứng minh địa hình nước ta thể hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
2. Phân tích tác động của địa hình đến thổ nhưỡng nước ta.

**Câu II (2,0 điểm)**

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích tác động của đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tới đặc điểm sông ngòi của miền?

**Câu III (2,0 điểm)**

1. Phân tích những tác động trong, ngoài nước đã làm cho lợi thế nguồn lao động dồi dào của nước ta không còn được đánh giá cao.
2. Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành đến vấn đề lao động, việc làm của nước ta hiện nay?

**Câu IV (2,0 điểm)**

1. Cho bảng số liệu sau:

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2018**

Năm	Giá trị sản xuất thủy sản (nghìn tỷ đồng)			Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)		
	Tổng	Khai thác	Nuôi trồng	Tổng	Khai thác	Nuôi trồng
2000	38,7	22,9	15,8	2250,9	1660,9	590,0
2010	153,1	58,8	94,3	5142,7	2414,4	2728,3
2015	254,1	94,6	159,5	6582,1	3049,9	3532,2
2018	362,9	108,6	254,3	7768,5	3606,7	4161,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2020)

Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta trong giai đoạn trên.

2. Tại sao trong thời gian gần đây, nước ta đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và đánh bắt thủy sản xa bờ?

**Câu V (2,0 điểm)**

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh sự khác nhau về vai trò, hiện trạng phát triển và phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta.

2. Tại sao trong phát triển công nghiệp, nước ta cần đầu tư theo chiều sâu?

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh: .....; Số báo danh .....

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ 2009 đến nay.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN II**  
**LỚP 11 - MÔN: ĐỊA LÍ \*\*\* NĂM HỌC 2022 - 2023 \*\*\* Ngày thi 14/11/2022**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
I	1	<b>Chứng minh địa hình nước ta thể hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.</b>	<b>1,25</b>
		- Ở vùng đồi núi, quá trình xâm thực diễn ra mạnh mẽ: + Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ đất bị xói mòn rửa trôi, nhiều nơi trơ sỏi đá. + Ở vùng đá vôi hình thành địa hình cacxtơ với các hang động, suối cạn, thung khô... + Các vùng thềm phù sa bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng.	0,25 0,25 0,25
		- Ở vùng đồng bằng, quá trình bồi tụ diễn ra mạnh mẽ: + Tạo ra các đồng bằng (đồng bằng sông Hồng, Cửu Long, đồng bằng ven biển miền Trung) và các bãi bồi ven sông, ven biển. + Các đồng bằng vẫn đang tiếp tục mở rộng ra biển, đặc biệt là hai đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.	0,25 0,25
	2	<b>Phân tích tác động của địa hình đến thổ nhưỡng nước ta.</b>	<b>0,75</b>
		- Độ cao: càng lên cao quá trình phân hủy chất hữu cơ càng chậm lại, đất tích tụ mùn, hình thành các vành đai đất theo độ cao ở một số khu vực vùng núi nước ta. - Độ dốc: Dốc nhiều làm xói mòn chất hữu cơ, tích tụ ôxít sắt, nhôm, đất có màu đỏ vàng. - Hình thái địa hình: Khu vực đồi núi, độ dốc lớn, đất đặc trưng là feralit, tầng đất mỏng; khu vực đồng bằng, độ dốc nhỏ, đất đặc trưng là phù sa, tầng đất dày hơn.	0,25 0,25 0,25
II		<b>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tới đặc điểm sông ngòi của miền.</b>	<b>2,00</b>
		- Hướng nghiêng địa hình ảnh hưởng đến hướng nghiêng của sông: Hướng nghiêng địa hình tây bắc – đông nam làm sông của miền chủ yếu bắt nguồn phía Tây Bắc, chảy về hướng đông nam, đổ ra biển (dẫn chứng).	0,50
		- Hướng núi quy định hướng sông: hướng núi (Tây Bắc- Đông Nam và Tây - Đông) làm cho sông ở trong miền chảy theo 2 hướng chính: + Hướng Tây Bắc - Đông Nam: sông Đà, sông Mã, sông Cả... + Hướng Tây - Đông: sông Đại, sông Bến Hải...	0,50 0,50
		- Độ dốc địa hình ảnh hưởng đến tốc độ nước: độ dốc càng lớn, tốc độ dòng chảy càng nhanh (dẫn chứng) - Hình thái địa hình ảnh hưởng đến hình dáng, chiều dài sông: + Ở khu vực miền núi sông thường nhỏ, hẹp, khúc khuỷu, nhiều thác ghềnh: sông Đà, thượng lưu sông Mã. + Ở vùng đồng bằng: lòng sông rộng hơn, nước chảy êm đềm, uốn khúc quanh co: hạ lưu sông Mã, sông Cả.	0,50 0,50
	1	<b>Phân tích những tác động trong, ngoài nước đã làm cho lợi thế nguồn lao động dồi dào của nước ta không còn được đánh giá cao</b>	<b>1,00</b>
III		* <b>Tác động trong nước:</b> - Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang diễn ra mạnh mẽ, lao động thủ công dần bị thay thế bằng máy móc. - Đối tượng lao động là các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện không còn dồi dào cũng đã làm giảm nhu cầu sử dụng nguồn lực lao động... - Lao động nước ta có trình độ thấp, chưa qua đào tạo và năng suất lao động thấp nên không đáp ứng được yêu cầu, làm số lượng lao động lớn trở thành điểm bất lợi lớn.	0,25 0,25 0,25
		* <b>Tác động từ bên ngoài:</b> - Ảnh hưởng của cuộc CM CN 4.0, robot, trí tuệ nhân tạo được sử dụng rộng rãi, đồng thời xu thế chuyển sang các ngành có hàm lượng khoa học cao làm nhu cầu sử dụng lao động giảm.	0,25
	2	<b>Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành đến vấn đề lao động, việc làm của nước ta hiện nay</b>	<b>1,00</b>
		- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm mới, giải quyết nhu cầu cho lực lượng lao động dồi dào.	0,25
		- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là nguyên nhân làm thay đổi cơ cấu việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành: tăng tỉ trọng lao động khu vực II và III; giảm tỉ trọng lao động khu vực I.	0,25

	- Sự phát triển của ngành công nghiệp và dịch vụ sẽ tạo ra sự đa dạng hóa sản xuất, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị; đồng thời công nghiệp hóa nông thôn, làm giảm tỉ lệ thiếu việc làm tại nông thôn.	0,25
	- Công nghiệp, dịch vụ phát triển còn góp phần nâng cao trình độ lao động, tinh thần và tác phong làm việc... từ đó nâng cao năng suất, chất lượng nguồn lao động.	0,25
IV	<b>1 Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta trong giai đoạn trên.</b>	<b>1,00</b>
	- Giá trị sản xuất thủy sản: Giá trị sản xuất thủy sản, nuôi trồng, đánh bắt có xu hướng tăng (số liệu); thủy sản nuôi trồng có giá trị lớn hơn đánh bắt (số liệu)	0,25
	- Về sản lượng thủy sản: cả tổng, nuôi trồng và đánh bắt cũng có xu hướng tăng (số liệu), sản lượng thủy sản nuôi trồng cao hơn đánh bắt (số liệu).	0,25
	- Cơ cấu thủy sản: trong cơ cấu giá trị sản xuất và sản lượng thủy sản, tỉ trọng nuôi trồng có xu hướng tăng; khai thác xu hướng giảm. Năm 2000, tỉ trọng khai thác lớn hơn nuôi trồng, từ 2015 tỉ trọng nuôi trồng lớn hơn khai thác.	0,25
	- Trung bình giá trị sản xuất/sản lượng của nuôi trồng luôn lớn hơn khai thác => giá trị kinh tế nuôi trồng lớn hơn.	0,25
V	<b>2 Tại sao trong thời gian gần đây, nước ta đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và đánh bắt thủy sản xa bờ?</b>	<b>1,00</b>
	- Đẩy mạnh nuôi trồng vì: + Chủ động được đối tượng nuôi, sản lượng, giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường. + Có khả năng khắc phục được một số trở ngại của thiên nhiên, nhiều tiềm năng mở rộng diện tích hơn...	0,25 0,25
	- Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ vì: - Nguồn lợi thủy sản ven bờ bị suy giảm, thủy sản xa bờ còn nhiều tiềm năng. - Góp phần bảo vệ và giữ vững chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa của nước ta.	0,25 0,25
	<b>1 So sánh sự khác nhau về vai trò, hiện trạng phát triển và phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta.</b>	<b>1,00</b>
V	* Vai trò, tỉ trọng so với toàn ngành công nghiệp: - CN CBLTTP cung cấp nhu cầu thiết yếu, tỉ trọng lớn hơn nhưng xu hướng giảm (dẫn chứng). - CNSXHTD cung cấp nhu cầu cơ bản, tỉ trọng nhỏ hơn, nhưng xu hướng tăng tỉ trọng (dẫn chứng).	0,25 0,25
	* Hiện trạng phát triển và phân bố: - Phát triển: CNCBLTTP quy mô lớn hơn, cơ cấu ngành đa dạng hơn CNSXHTD (dẫn chứng). - Phân bố: CNCBTP phân bố rộng khắp cả vùng nguyên liệu và thị trường. CNSXHTD chủ yếu tập trung ở thị trường tiêu thụ.	0,25 0,25
	<b>2 Trong phát triển công nghiệp, nước ta cần đầu tư theo chiều sâu vì</b>	<b>1,00</b>
	- Đầu tư theo chiều sâu trong công nghiệp là đầu tư về vốn, đổi mới trang thiết bị và công nghệ sử dụng lao động có kĩ thuật cao...nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.	0,25
	- Hiện trạng phát triển công nghiệp của nước ta: Nền công nghiệp đang phát triển theo chiều rộng, trình độ thấp, lạc hậu, tốc độ tăng trưởng một số ngành còn chậm. Từ đó làm hạn chế năng suất, giảm khả năng cạnh tranh, gây ô nhiễm môi trường...	0,25
- Ý nghĩa của đầu tư theo chiều sâu: + Khai thác có hiệu quả nguồn lực phát triển công nghiệp của đất nước, thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp bền vững, tăng năng suất và sức cạnh tranh trên thị trường. + Đẩy mạnh phát triển các ngành có kĩ thuật cao, đa dạng hóa cơ cấu công nghiệp, giảm thiểu các vấn đề xã hội, môi trường...	0,25 0,25	
<b>TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 5 CÂU</b>		<b>10,00</b>

----- HẾT -----